

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 43/2024/HS-ST

Ngày 26-6-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thiết Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thắng

Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Vương Vũ - Thư ký Chính Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đức Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Phòng xét xử số 1, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Phú B, sinh ngày 02/5/2003 tại Thanh Hoá; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: **Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: không nghề; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Phú T** (đã chết) và bà **Trần Thị T1**, sinh năm 1970; trú tại **xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**; vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2023 đến ngày 24/11/2023 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Bà **Lê Thị Hà G**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

- Bà **Trần Thị Hoài T2**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Xóm M, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

- Bà **Trần Thị Thùy Q**, sinh năm 1992; địa chỉ: **3 Đ, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị**; vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Số nhà A, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bà Võ Thị M, sinh năm 1966; địa chỉ: Khóm T, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Bà Lê Thị U, sinh năm 1981; địa chỉ: Số E đường L, khu phố P, thị trấn H, huyện V, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hữu A, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố F, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Bà Hồ Thị T3, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: A, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Bà Trần Thị Tuyết M1, sinh năm 1991; HKTT: Khu phố G, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Nơi ở hiện tại: Kiệt B L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Bà Hồ Thị Thúy N, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm 1994; địa chỉ: Khóm C, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Bà Hồ Thị C1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Bà Trần Thị Thanh N1, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố F, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào giữa năm 2023, Trần Phú B từ tỉnh Thanh Hóa vào thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Ba sử dụng số điện thoại 0867639878 lập Zalo “hoàng Nhật Tú” để liên hệ với người vay và thuê dịch vụ chạy quảng cáo trên Facebook với nội dung “*Hỗ trợ vay vốn Quảng Trị, không thẩm định, không cần thế chấp, hồ sơ nợ xấu vẫn duyệt, hỗ trợ từ: 5-200 Tr...*

LH SĐT gặp anh T 0867639878”. Từ tháng 6/2023 đến tháng 10/2023, B cho 14 người vay mới mức lãi suất 319%/năm đến 652%/năm, gấp 15,95 lần đến 32,6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

1. Cho bà Lê Thị Hà G (sinh năm 1990, trú tại thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị) vay nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 24/8/2023, Ba cho bà G vay 7.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 350.000đ (280.000đ tiền gốc và 70.000đ tiền lãi), trừ phí làm hồ sơ 700.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp 700.000đ, bà G thực nhận 5.600.000đ. Trả góp 15 ngày thì bà G vay gói mới để trả hết nợ. Tổng số tiền bà G đã trả là 8.750.000 đồng, trong đó tiền gốc 7.000.000đ và tiền lãi 1.750.000.000đ (lãi suất 16.666đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 608%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 57.534 đồng, thu lợi bất chính là 2.392.466đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 1.692.466đ và tiền phí 700.000đ).

Lần 2: Ngày 08/9/2023, Ba cho bà G vay 10.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ (400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi), trừ phí 1.000.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp 1.000.000đ, trừ 3.500.000đ nợ khoản vay lần 1, bà G thực nhận 4.500.000đ. Trả góp 20 ngày thì bà G vay gói mới để trả hết nợ. Tổng số tiền bà G đã trả là 12.500.000đ, trong đó tiền gốc 10.000.000đ và tiền lãi 2.500.000đ (lãi suất 12.500đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 456%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 109.588đ đồng, thu lợi bất chính 3.390.412đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 2.390.412đ và tiền phí 1.000.000đ).

Lần 3: Ngày 23/9/2023, Ba cho bà G vay 12.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 600.000đ (gồm 480.000đ tiền gốc và 120.000đ tiền lãi), trừ phí 1.200.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp 1.200.000đ, trừ 2.500.00đ nợ của khoản vay lần 2, bà G thực nhận 7.100.000đ. Trả góp 20 ngày thì bà G vay gói mới để trả hết nợ. Tổng số tiền bà G đã trả là 15.000.000đ, trong đó tiền gốc 12.000.000đ và tiền lãi 3.000.000đ (lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 456%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 131.506 đồng, thu lợi bất chính 4.068.494 đồng (gồm tiền lãi vượt quá quy định 2.868.494đ và tiền phí 1.200.000đ).

Lần 4: Ngày 29/9/2023, Ba cho bà **G** vay 15.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 750.000đ (gồm 600.000đ tiền gốc và 150.000đ tiền lãi), trừ phí 1.500.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp 1.500.000đ, trừ 3.000.000đ nợ của khoản vay lần 3, bà **G** thực nhận 9.000.000đ. Bà **G** đã trả trong 06 ngày là 4.500.000đ, trong đó tiền gốc 3.600.000đ và tiền lãi 900.000đ (lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 365%/ năm), còn nợ 14.250.000đ.

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 49.315 đồng, thu lợi bất chính 2.350.685 đồng (gồm tiền lãi vượt quá quy định 850.685đ và tiền phí 1.500.000đ).

Tổng số tiền thu lợi bất chính trong 04 lần vay là 12.202.057 đồng.

2. Cho bà Trần Thị Hoài T2 (sinh năm 1990, trú tại xóm M, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị) vay:

Ngày 02/10/2023, Ba cho bà **T2** vay 20.000.000đ, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày 800.000đ (gồm 625.000đ tiền gốc và 175.000đ tiền lãi), trừ phí 2.000.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp 1.600.000đ, bà **T2** thực nhận 16.400.000đ. Bà **T2** trả trong 05 ngày là 4.000.000đ, gồm tiền gốc 3.125.000đ và tiền lãi 875.000đ (lãi suất 8.750đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương mức lãi suất 319%/ năm), còn nợ 21.600.000đ.

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 54.794 đồng, thu lợi bất chính 2.820.206đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 820.206đ và tiền phí 2.000.000đ).

3. Cho bà Trần Thị Thùy Q (sinh năm 1992, trú tại 3 Đ, phường B, Đ, Quảng Trị) vay:

Ngày 28/9/2023, Ba cho bà **Q** vay 10.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ (gồm 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi), trừ phí 1.000.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp là 1.000.000đ, bà **Q** thực nhận 8.000.000đ. Bà **Q** đã trả trong 07 ngày là 3.500.000đ, trong đó tiền gốc 2.800.000đ và tiền lãi 700.000đ (lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 365%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 38.356 đồng, thu lợi bất chính 1.661.644đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 661.644đ và tiền phí 1.000.000đ).

4. Cho bà Võ Thị M (sinh năm 1966, trú tại khóm T, L, H, Quảng Trị) vay nhiều lần:

Lần 1: Ngày 28/8/2023, Ba cho bà **M** vay 10.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ (gồm 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi); trừ phí 500.000đ, lấy trước 01 ngày tiền góp là 500.000đ, bà **M** thực nhận 9.000.000 đồng. Bà **M** đã trả trong 25 ngày là 12.500.000đ, trong đó tiền gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi 2.500.000 đồng (lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 365%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 136.985 đồng, thu lợi bất chính 2.863.015 đồng (gồm tiền lãi vượt quá quy định 2.363.015đ và tiền phí 500.000đ).

Lần 2: Ngày 21/9/2023, Ba cho bà **M** vay 10.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, 500.000đ/ngày (gồm 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi), không trừ phí, lấy trước 02 ngày tiền góp là 1.000.000đ, bà **M** thực nhận 9.000.000đ. Bà **M** đã trả trong 16 ngày là 8.000.000đ, trong đó tiền gốc 6.400.000đ và tiền lãi 1.600.000đ (10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 365%/ năm), còn nợ 4.500.000đ.

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 87.670 đồng, thu lợi bất chính 1.512.330 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính trong 02 lần vay là 4.375.345 đồng.

5. Cho ông Nguyễn Đức C (sinh năm 1991, trú tại thôn T, H, H, Quảng Trị) vay:

Ngày 08/9/2023, Ba cho ông **C** vay 10.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ/ngày (cả gốc và lãi), trừ phí 1.000.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp 1.000.000đ, ông **C** thực nhận 8.000.000đ. Ông **C** đã trả trong 25 ngày là 12.500.000đ, trong đó tiền gốc 10.000.000đ, tiền lãi 2.500.000đ (lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 365%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 136.985 đồng, thu lợi bất chính 3.363.015 đồng (gồm tiền lãi vượt quá quy định 2.363.015đ và tiền phí 1.000.000đ).

6. Cho bà Lê Thị U (sinh năm 1981, trú tại số nhà E, Lê Hồng P, Khu phố P, Hồ X, V, Quảng Trị) vay nhiều lần:

Lần 1: Ngày 12/7/2023, Ba cho bà **U** vay 10.000.000đ, trả trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ (cả gốc lẫn lãi), trừ phí 1.000.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp 1.000.000đ, bà **U** thực nhận 8.000.000đ. Trả góp trong 15 ngày thì bà **U** vay gói mới để trả hết nợ. Tổng số tiền bà **U** đã trả là 12.500.000đ, trong đó tiền gốc

10.000.000đ và tiền lãi 2.500.000đ (lãi suất 16.666đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 608%/ năm)

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 82.191 đồng, thu lợi bất chính 3.417.809 đồng (gồm tiền lãi vượt quá quy định 2.417.809đ và tiền phí 1.000.000đ).

Lần 2: Ngày 26/7/2023, Ba cho bà **U** vay 10.000.000đ, trả trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ (cả gốc và lãi), trừ phí 1.000.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp 1.000.000đ, trừ 4.800.000đ nợ của khoản vay lần 1, bà **U** thực nhận 3.200.000đ. Trả góp trong 20 ngày thì bà **U** vay gói mới để trả hết nợ. Tổng số tiền bà **U** đã trả là 12.500.000đ, trong đó tiền gốc 10.000.000đ và tiền lãi 2.500.000đ (lãi suất 12.500đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 456%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 109.588 đồng, thu lợi bất chính 3.390.412 đồng (gồm tiền lãi vượt quá quy định 2.390.412đ và tiền phí 1.000.000đ).

Lần 3: Ngày 14/8/2023, Ba cho bà **U** vay 14.000.000đ, trả trong 25 ngày, mỗi ngày 700.000đ/ngày (cả gốc và lãi), trừ phí 1.400.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp 1.400.000đ, trừ 3.500.000đ nợ của khoản vay lần 2, bà **U** thực nhận 7.700.000đ. Trả góp trong 17 ngày thì bà **U** vay gói mới để trả hết nợ. Tổng số tiền bà **U** đã trả là 17.500.000đ, trong đó tiền gốc 14.000.000đ và tiền lãi 3.500.000đ, (lãi suất 14.705đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 537%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 130.410đ, tiền thu lợi bất chính 4.769.590đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 3.369.590đ và tiền phí 1.400.000đ).

Lần 4: Ngày 30/8/2023, Ba cho bà **U** vay 20.000.000đ, trả trong 25 ngày, mỗi ngày 1.000.000đ (cả gốc và lãi), trừ phí 2.000.000đ; lấy trước 02 ngày tiền góp 2.000.000đ, trừ 9.000.000đ nợ của khoản vay lần 3, bà **U** thực nhận 7.000.000đ. Trả góp trong 16 ngày thì bà **U** vay gói mới để trả hết nợ. Tổng số tiền bà **U** đã trả là 25.000.000đ, trong đó tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi 5.000.000đ (lãi suất 15.625đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 570%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 175.341đ, thu lợi bất chính 6.824.659đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 4.824.659đ và tiền phí 2.000.000đ).

Lần 5: Ngày 14/9/2023, Ba cho bà **U** vay 20.000.000đ, trả trong 25 ngày, mỗi ngày 1.000.000đ (cả gốc và lãi), trừ phí 2.000.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày 2.000.000đ, trừ 12.000.000đ nợ của khoản nợ vay lần 4, bà **U** thực nhận

4.000.000đ. Trả góp trong 04 ngày 4.000.000đ, trong đó tiền gốc là 3.200.000đ và tiền lãi 80.000đ (lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 365%/năm), còn nợ 21.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 43.835đ, thu lợi bất chính 2.756.165đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 756.165đ và tiền phí 2.000.000đ).

Tổng số tiền thu lợi bất chính trong 05 lần vay là 21.158.635đ.

7. Cho ông Nguyễn Hữu A (sinh năm 1989, trú tại khu phố F, phường A, Đ. Quảng Trị) vay nhiều lần:

Lần 1: Ngày 29/8/2023, Ba cho ông A vay 15.000.000đ, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày 600.000đ (gồm 468.750đ tiền gốc và 131.250đ tiền lãi), trừ phí 1.200.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày 1.200.000đ, ông A thực nhận 12.600.000đ. Trả góp trong 20 ngày thì ông A vay gói mới để trả hết nợ. Tổng số tiền ông A đã trả là 19.200.000đ, trong đó tiền gốc 15.000.000đ và tiền lãi 4.200.000đ (lãi suất 14.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 511%/năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 164.384đ, thu lợi bất chính 5.235.616đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 4.035.616đ và tiền phí 1.200.000đ).

Lần 2: Ngày 16/9/2023, Ba cho ông A vay 20.000.000đ, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày 800.000đ (gồm 625.000đ tiền gốc và 175.000đ tiền lãi), trừ phí 1.800.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp 1.600.000đ, trừ 7.200.000đ nợ của khoản vay lần 1, ông A thực nhận 9.400.000đ. Trả góp trong 18 ngày thì ông A vay gói mới để trả hết nợ. Tổng số tiền ông A đã trả là 25.600.000đ, trong đó tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi 5.600.000đ (lãi suất 15.555đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 568%/năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 197.258đ, thu lợi bất chính 7.202.742đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 5.402.742đ và tiền phí 1.800.000đ).

Lần 3: Ngày 03/10/2023, Ba cho ông A vay 20.000.000đ, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày 800.000đ (gồm 625.000đ tiền gốc và 175.000đ tiền lãi), trừ phí 1.800.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp 1.600.000đ, trừ 11.200.000đ nợ khoản vay lần 2, ông A thực nhận 5.400.000đ. Ông A đã trả 02 ngày 1.600.000đ, gồm tiền gốc 1.250.000đ và tiền lãi 350.000đ (lãi suất 8.750đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 319%/năm). Số tiền còn lại ông A chưa trả.

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 21.918đ, **thu** lợi bất chính 2.128.082đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 328.082đ và tiền phí 1.800.000đ).

Tổng số tiền thu lợi bất chính trong 03 lần vay là 14.566.442 đồng.

8. Cho bà Hồ Thị T3 (sinh năm 1995, trú tại B, T, G, Quảng Trị) vay:

Ngày 25/7/2023, Ba cho bà T3 vay 10.000.000đ, trả góp 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ (cả gốc và lãi), trừ phí 1.000.000đ, trừ trước tiền góp 02 ngày 1.000.000đ, bà T3 thực nhận 8.000.000đ. Trong 25 ngày bà T3 đã trả xong gói vay gồm tiền gốc 10.000.000đ và tiền lãi 2.500.000đ (lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 365%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 136.985đ, **thu** lợi bất chính 3.363.015đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 2.363.015đ và tiền phí 1.000.000đ).

9. Cho bà Trần Thị H (sinh năm 1985, trú tại A, C, V, Quảng Trị) vay:

Ngày 30/9/2023, Ba cho bà H vay 6.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 300.000đ/ngày (gồm 240.000đ tiền gốc và 60.000đ tiền lãi), trừ phí 600.000đ, lấy trước 02 ngày tiền góp 600.000đ, bà H thực nhận 4.800.000đ. Bà H đã trả 06 ngày là 1.800.000đ, trong đó có 1.440.000đ tiền gốc và 360.000đ tiền lãi (lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 365%/ năm), còn nợ 5.700.000đ.

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 19.726, **thu** lợi bất chính 940.274đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 340.274đ và tiền phí 600.000đ).

10. Cho bà Trần Thị Tuyết M1 (sinh năm 1991, trú tại phường E, Đ, Quảng Trị) vay nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/8/2023, Ba cho bà M1 vay 5.000.000đ, trả góp 25 ngày, mỗi ngày 250.000đ (gồm 200.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi), trừ phí 500.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày 500.000đ, bà M1 thực nhận 4.000.000 đồng. Trả góp trong 14 ngày thì bà M1 vay gói mới để trả hết nợ cũ. Tổng số tiền bà M1 đã trả là 6.250.000đ, trong đó tiền gốc 5.000.000đ, tiền lãi 1.250.000đ (lãi suất 17.857đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương mức lãi suất 652%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 38.365 đồng, **thu** lợi bất chính 1.711.644đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 1.211.644đ và tiền phí 500.000đ).

Lần 2: Ngày 23/8/2024, Ba cho bà **M1** vay 5.000.000đ, trả góp 25 ngày, mỗi ngày 250.000đ/ ngày (gồm 200.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi), trừ phí 500.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày 500.000đ và trừ 2.200.000đ nợ khoản vay lần 1, bà **M1** thực nhận 1.800.000đ. Trả góp trong 23 ngày thì bà **M1** vay gói mới để trả hết nợ cũ. Tổng số tiền bà **M1** đã trả là 6.250.000đ trong đó tiền gốc 5.000.000đ và tiền lãi 1.250.000đ (lãi suất 10.869đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương mức lãi suất 397%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 63.013đ, **thu** lợi bất chính 1.686.987đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 1.186.987đ và tiền phí 500.000đ).

Lần 3: Ngày 14/9/2023, Ba cho bà **M1** vay 5.000.000đ, trả góp 25 ngày, mỗi ngày 250.000đ (gồm 200.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi), trừ phí 500.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày 500.000đ, trừ 3.250.000đ nợ khoản vay lần 2, bà **M1** thực nhận 750.000đ. Do bà **M1** mất khả năng nên không trả góp theo thỏa thuận được mà đến ngày 27/9/2023, bà **M1** trả 4.000.000đ, ngày 03/10/2023 trả 2.500.000đ. Tổng số tiền mà bà **M1** trả trong 20 ngày là 6.500.000đ, trong đó tiền gốc 5.000.000đ và tiền lãi 1.500.000đ (lãi suất 12.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 438%/ năm). Tuy nhiên, Ba vẫn tính bà **M1** còn nợ số tiền 1.500.000đ, lý do đó là lãi phạt vì bà **M1** không trả góp theo ngày.

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 68.493đ, thu lợi bất chính là 1.931.508đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 1.431.508đ và tiền phí 500.000đ)

Tổng số tiền thu lợi bất chính trong 03 lần vay là 5.330.139 đồng.

11. Cho bà **Hồ Thị Thúy N (sinh năm 1981, trú tại **T, T, H, Quảng Trị**) vay nhiều lần, cụ thể:**

Lần 1: Đầu tháng 6/2023, Ba cho bà **N** vay 10.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ (gồm 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi), trừ phí 1.000.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày 1.000.000đ, bà **N** thực nhận 8.000.000đ. Bà **N** trả đủ trong 25 ngày với số tiền 12.500.000đ, trong đó tiền gốc 10.000.000đ và tiền lãi 2.500.000đ (lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương mức lãi suất 365%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 136.985đ, thu lợi bất chính là 3.363.015đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 2.363.015đ và tiền phí 1.000.000đ).

Lần 2: Ngày 30/6/2023, Ba cho bà **N** vay 20.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 1.000.000đ/ngày (gồm 800.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi), trừ phí 2.000.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày 2.000.000đ, bà **N** thực nhận 16.000.000đ. Bà **N** đã trả đủ 25 ngày là 25.000.000đ, trong đó tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi 5.000.000đ (lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương mức lãi suất 365%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 273.970đ, thu lợi bất chính 6.726.030đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 4.726.030đ và tiền phí 2.000.000đ).

Lần 3: Vào ngày 12/8/2023, Ba cho bà **N** vay 20.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 1.000.000đ (gồm 800.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi); trừ phí 2.000.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày 2.000.000đ, bà **N** thực nhận 16.000.000đ. Bà **N** đã trả trong 18 ngày thì vay gói mới để trả hết nợ cũ. Tổng số tiền bà **N** đã trả là 25.000.000đ, trong đó tiền gốc 29.000.000đ và tiền lãi 5.000.000đ (lãi suất 13.889đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương mức lãi suất 507%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 197.258đ, thu lợi bất chính 6.802.742đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 4.802.742đ và tiền phí 2.000.000đ).

Lần 4: Ngày 31/8/2023, Ba cho bà **N** vay 20.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 1.000.000đ/ngày (gồm 800.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi), trừ phí 2.000.000đ, lấy trước tiền góp 06 ngày 6.000.000đ, trừ nợ khoản vay lần 3 là 7.000.000đ, bà **N** thực nhận 5.000.000đ. Bà **N** đã trả trong 16 ngày với tổng số tiền 16.000.000đ, trong đó tiền gốc 12.800.000đ và tiền lãi 3.200.000đ (10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương mức lãi suất 365%/ năm), còn nợ 9.000.000đ.

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 175.341đ, thu lợi bất chính 5.024.659 đồng (gồm tiền lãi vượt quá quy định 3.024.659đ và tiền phí 2.000.000đ).

Tổng số tiền thu lợi bất chính trong 04 lần vay là 21.916.446 đồng.

12. Cho bà Nguyễn Thị Ngọc T4 (sinh năm 1994, trú tại Khóm C, K, H, Quảng Trị) vay nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 06/7/2023, Ba cho bà **T4** vay 20.000.000đ, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày 800.000đ/ngày (gồm 625.000đ tiền gốc và 175.000đ tiền lãi), trừ phí 2.000.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày 1.600.000đ, bà **T4** thực nhận

16.400.000đ. Trả góp trong 20 ngày thì bà **T4** vay gói mới để trả hết nợ cũ. Tổng số tiền bà **T4** đã trả là 25.600.000đ, trong đó tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi 5.600.000đ (lãi suất 14.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 511%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 219.176đ, thu lợi bất chính 7.380.824đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 5.380.824đ và tiền phí 2.000.000đ).

Lần 2: Vào ngày 26/7/2023, Ba cho bà **T4** vay 20.000.000đ, trả góp trong 32 ngày, mỗi ngày 800.000đ (gồm 625.000đ tiền gốc và 175.000đ tiền lãi; trừ phí 1.700.000đ, lấy trước 02 ngày 1.600.000đ, trừ 9.600.000đ nợ khoản vay lần 1, bà **T4** thực nhận 7.100.000đ. Bà **T4** đã trả trong 15 ngày với số tiền 12.000.000đ, trong đó tiền gốc 9.375.000đ và tiền lãi 2.625.000đ (lãi suất 8.750đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 319%/ năm). Bà **T4** còn nợ 13.600.000đ.

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 164.382đ, thu lợi bất chính 4.160.618đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 2.460.618đ và tiền phí 1.700.000đ).

Lần 3: Ngày 03/9/2023, Ba cho bà **T4** vay 10.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ (gồm 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi), trừ phí 1.000.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày 1.000.000đ, bà **T4** thực nhận 8.000.000đ. Bà **T4** đã trả trong 20 ngày là 10.000.000đ, trong đó tiền gốc 8.000.000đ và tiền lãi 2.000.000đ (lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương mức lãi suất 365%/ năm), còn nợ 2.500.000đ.

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 109.588đ, thu lợi bất chính 2.890.412đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 1.890.412đ và tiền phí 1.000.000đ).

Tổng số tiền thu lợi bất chính trong 03 lần vay 14.431.854đ.

13. Cho bà Hồ Thị C1 (sinh năm 1984, trú tại P, H, Đ, Quảng Trị) vay nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 05/7/2023, Ba cho bà **C1** vay 10.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ/ngày (gồm 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi), trừ phí 500.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày là 1.000.000đ, bà **C1** thực nhận 8.500.000đ. Trả góp kéo dài trong 68 ngày thì còn nợ 1.000.000đ nên bà **C1** vay gói mới để trả hết nợ cũ. Tổng số tiền bà **C1** đã trả là 12.500.000đ, trong đó tiền gốc là 10.000.000đ và tiền lãi 2.500.000đ (lãi suất 3.676đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 134%/ năm).

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 372.599đ, thu lợi bất chính 2.627.401đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 2.27.401đ và tiền phí 500.000đ).

Lần 2: Ngày 10/9/2023, Ba cho bà **C1** vay 10.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ/ngày (gồm 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi), trừ phí 500.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày 1.000.000đ, trừ 1.000.000đ nợ khoản vay lần 1, bà **C1** thực nhận 7.500.000đ. Bà **C1** đã trả trong 18 ngày 9.000.000đ, trong đó tiền gốc 7.200.000đ và tiền lãi 1.800.000đ (lãi suất cho vay 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 365%/ năm). Bà **C1** nợ 3.500.000đ.

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 98.629đ, thu lợi bất chính là 2.201.371đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 1.701.371đ và tiền phí 500.000đ).

Tổng số tiền thu lợi bất chính trong 02 lần vay là 4.828.772 đồng.

14. Cho bà Trần Thị Thanh N1 (sinh năm 1987, trú tại Khu phố F, Đ, Đ, tỉnh Quảng Trị) vay:

Ngày 03/7/2023, Ba cho bà **N1** vay 10.000.000đ, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000đ (gồm 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi), trừ phí 1.000.000đ, lấy trước tiền góp 02 ngày 1.000.000đ, bà **N1** thực nhận 8.000.000đ. Bà **N1** đã trả trong 18 ngày 9.000.000đ, trong đó tiền gốc 7.200.000đ và tiền lãi 1.800.000đ (lãi suất cho vay 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương 365%/ năm). Bà **N1** còn nợ 3.500.000đ.

Như vậy, số tiền lãi tối đa (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự là 98.629đ, thu lợi bất chính 2.201.371đ (gồm tiền lãi vượt quá quy định 1.201.371đ và tiền phí 1.000.000đ).

Bản Cáo trạng số 30/CT-VKSQT-P2 ngày 10/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo **Trần Phú B** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Phú B** từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại của bị cáo **Trần Phú B**. Trả lại các giấy tờ tùy thân cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đưa

vào hồ sơ vụ án 14 Giấy mượn tiền giữa **Trần Phú B** và những người vay; các giấy tờ cho vay nhưng chưa xác định được lai lịch.

- Về biện pháp tư pháp:

Truy thu, nộp ngân sách nhà nước 414.000.000đ tiền gốc mà **Trần Phú B** dùng để cho vay, trong đó:

+ Bị cáo **Trần Phú B** phải nộp lại số tiền 309.390.000 đồng tiền gốc đã cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp ngân sách nhà nước số tiền 104.610.000 đồng số tiền gốc đã vay nhưng chưa trả cho **Trần Phú B**, cụ thể: Bà **Lê Thị Hà G**: 11.400.000 đồng; bà **Trần Thị Hoài T2**: 16.875.000 đồng; bà **Trần Thị Thùy Q**: 7.200.000 đồng; bà **Võ Thị M**: 3.600.000 đồng; bà **Lê Thị U**: 16.800.000 đồng; ông **Nguyễn Hữu A**: 18.750.000 đồng; bà **Trần Thị H**: 4.560.000 đồng; bà **Hồ Thị Thúy N**: 7.200.000 đồng; bà **Nguyễn Thị Ngọc T4**: 12.625.000 đồng; bà **Hồ Thị C1**: 2.800.000 đồng; bà **Trần Thị Thanh N1**: 2.800.000 đồng.

Đối với khoản tiền tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) với số tiền 3.900.797 đồng cần tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền lãi và tiền phí dịch vụ mà bị cáo **Trần Phú B** đã thu lợi bất chính của: Bà **Lê Thị Hà G**, bà **Trần Thị Hoài T2**, bà **Trần Thị Thùy Q**, bà **Võ Thị M**, ông **Nguyễn Đức C**, bà **Lê Thị U**, ông **Nguyễn Hữu A**, bà **Hồ Thị T3**, bà **Trần Thị Tuyết M1**, bà **Hồ Thị Thúy N**, bà **Nguyễn Thị Ngọc T4**, bà **Trần Thị Thanh N1** là những người vay tiền không yêu cầu bị cáo **Trần Phú B** hoàn trả lại số tiền đã thu lợi bất chính nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng bà **Trần Thị H** và bà **Hồ Thị C1** có yêu cầu nhận lại thì buộc bị cáo **B** trả lại cho họ khoản tiền lãi đã trả.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q**, Điều tra viên, VKSND tỉnh Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng:

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Từ tháng 6 đến tháng 10 năm 2023, vì mục đích hưởng lợi, bị cáo **Trần Phú B** đã cho bà **Lê Thị Hà G**, bà **Trần Thị Hoài T2**, bà **Trần Thị Thùy Q**, bà **Võ Thị M**, ông **Nguyễn Đức C**, bà **Lê Thị U**, ông **Nguyễn Hữu A**, bà **Hồ Thị T3**, bà **Trần Thị H**, bà **Trần Thị Tuyết M1**, bà **Hồ Thị Thúy N**, bà **Nguyễn Thị Ngọc T4**, bà **Hồ Thị C1**, bà **Trần Thị Thanh N1** (14 người) vay tổng với số tiền 414.000.000 đồng, với lãi suất từ 319%/năm đến 625%/năm, vượt quá 15.95 đến 32,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Bị cáo **Trần Phú B** đã thu tổng số tiền lãi là 117.560.012 đồng; trong đó, tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 3.900.797 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 113.659.215 đồng (tiền lãi 75.759.215 đồng + tiền phí 37.900.000 đồng).

Hành vi của bị cáo **Trần Phú B** đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS. Như vậy, Cáo trạng số 30/CT-VKSQT-P2 ngày 10/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo **Trần Phú B** là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy:

Hành vi nêu trên của bị cáo **Trần Phú B** đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 điện thoại của bị cáo **Trần Phú B**, đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Trả lại các giấy tờ tùy thân cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

- Đưa vào hồ sơ vụ án: 14 Giấy mượn tiền giữa **Trần Phú B** và những người vay; 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe mang tên **Nguyễn Thị P1**; 01 Giấy khai sinh mang tên **Phạm Hoàng Tuấn M2** (của những người **Trần Phú B** cho vay nhưng chưa xác định được lai lịch).

[6] Về biện pháp tư pháp:

Bị cáo **Trần Phú B** cho 14 người vay số tiền 414.000.000 đồng, đây là tổng số tiền tang số phạm tội, nên cần áp dụng Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, truy thu như sau:

- Truy thu, nộp ngân sách nhà nước 414.000.000đ tiền gốc mà **Trần Phú B** dùng để cho vay, trong đó:

+ Buộc bị cáo **Trần Phú B** nộp lại số tiền 309.390.000 đồng tiền gốc đã cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay.

+ Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp ngân sách nhà nước số tiền 104.610.000 đồng số tiền gốc đã vay nhưng chưa trả cho **Trần Phú B**, cụ thể: Bà **Lê Thị Hà G**: 11.400.000 đồng; bà **Trần Thị Hoài T2**: 16.875.000 đồng; bà **Trần Thị Thùy Q**: 7.200.000 đồng; bà **Võ Thị M**: 3.600.000 đồng; bà **Lê Thị U**: 16.800.000 đồng; ông **Nguyễn Hữu A**: 18.750.000 đồng; bà **Trần Thị H**: 4.560.000 đồng; bà **Hồ Thị Thúy N**: 7.200.000 đồng; bà **Nguyễn Thị Ngọc T4**: 12.625.000 đồng; bà **Hồ Thị C1**: 2.800.000 đồng; bà **Trần Thị Thanh N1**: 2.800.000 đồng.

- Đối với khoản tiền tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà **Trần Phú B** thu của 14 người với số tiền 3.900.797 đồng, đây là khoản tiền thu lợi từ hành vi phạm tội mà có, nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, để buộc bị cáo **Trần Phú B** phải nộp lại số tiền 3.900.797 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền lãi và tiền phí dịch vụ mà bị cáo **Trần Phú B** đã thu lợi bất chính 107.890.169 đồng: Bà **Lê Thị Hà G**, bà **Trần Thị Hoài T2**, bà **Trần Thị Thùy Q**, bà **Võ Thị M**, ông **Nguyễn Đức C**, bà **Lê Thị U**, ông **Nguyễn Hữu A**, bà **Hồ Thị T3**, bà **Trần Thị Tuyết M1**, bà **Hồ Thị Thúy N**, bà **Nguyễn Thị Ngọc T4**,

bà **Trần Thị Thanh N1** là những người vay tiền không yêu cầu bị cáo **Trần Phú B** hoàn trả lại số tiền đã thu lợi bất chính nên không Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc bị cáo **Trần Phú B** cho bà **Trần Thị H**, bà **Hồ Thị C1** vay lãi nặng là trái pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tại phiên toà sơ thẩm, bà **Trần Thị H** và bà **Hồ Thị C1** yêu cầu nhận lại số tiền này, nên cần buộc bị cáo **Trần Phú Ba p** trả lại cho bà **Trần Thị H** số tiền 940.274 đồng, bà **Hồ Thị C1** số tiền 4.828.772 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án buộc: Bị cáo **Trần Phú Ba p** chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Phú B** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Phú B** hình phạt tiền với số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng đồng, có gắn kèm 01 SIM Viettel in số 8984048000930834452, máy đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh ghi, có gắn kèm 01 SIM Viettel in số 8984048000078947951, máy đã qua sử dụng nộp ngân sách nhà nước.

(*Các vật chứng trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/4/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Q** và Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị*).

- Trả lại các giấy tờ tùy thân cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm:

+ Trả cho bà **Trần Thị Thanh N1**: Giấy khai sinh mang tên **Hoàng Thị Thảo A1**;

- + Trả cho bà **Hồ Thị Thúy N**: 01 Giấy chứng nhận kết hôn của **Nguyễn Hữu H1** và **Hồ Thị Thúy N**;
- + Trả cho bà **Nguyễn Thị Ngọc T4**: 01 Giấy phép lái xe và 01 giấy khai sinh mang tên **Nguyễn Thị Ngọc T4**;
- + Trả cho bà **Lê Thị U**: 01 Giấy chứng nhận kinh doanh số 30C001775 mang tên **Lê Thị U**;
- + Trả cho bà **Trần Thị H**: 01 Giấy phép lái xe số T113120, giấy chứng nhận kết hôn **Trần Thị H**, **Nguyễn T5**;
- + Trả cho bà **Võ Thị M**: 01 Giấy đăng ký xe mô tô số 004885 mang tên **Võ Thị M**;
- + Trả cho bà **Trần Thị Hoài T2**: 01 Giấy phép lái xe mang tên **Trần Thị Hoài T2**, 01 giấy đăng ký kinh doanh mang tên **Võ Văn Q1**;
- + Trả cho bà **Lê Thị Hà G**: 01 Giấy CMND mang tên **Lê Thị Hà G**;
- + Trả cho bà **Hồ Thị C1**: 01 Giấy đăng ký xe máy và 01 giấy phép lái mang tên **Hồ Thị C1**;

(Các vật chứng là giấy tờ tùy thân có tại hồ sơ vụ án).

3. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, truy thu như sau:

- Truy thu, nộp ngân sách nhà nước 414.000.000 đồng số tiền gốc mà **Trần Phú B** sử dụng để cho vay, trong đó:

+ Buộc bị cáo **Trần Phú B** nộp lại 309.390.000 đồng tiền gốc đã cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay.

+ Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp ngân sách nhà nước 104.610.000 đồng số tiền gốc đã vay nhưng chưa trả cho **Trần Phú B**, cụ thể: Bà **Lê Thị Hà G**: 11.400.000 đồng; bà **Trần Thị Hoài T2**: 16.875.000 đồng; bà **Trần Thị Thùy Q**: 7.200.000 đồng; bà **Võ Thị M**: 3.600.000 đồng; bà **Lê Thị U**: 16.800.000 đồng; ông **Nguyễn Hữu A**: 18.750.000 đồng; bà **Trần Thị H**: 4.560.000 đồng; bà **Hồ Thị Thúy N**: 7.200.000 đồng; bà **Nguyễn Thị Ngọc T4**: 12.625.000 đồng; bà **Hồ Thị C1**: 2.800.000 đồng; bà **Trần Thị Thanh N1**: 2.800.000 đồng.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, buộc bị cáo **Trần Phú B** phải nộp lại số tiền 3.900.797 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, buộc bị cáo **Trần Phú B** trả lại cho bà **Trần Thị H** số tiền 940.274 đồng, bà **Hồ Thị C1** số tiền 4.828.772 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bà **Trần Thị H**, bà **Hồ Thị C1** cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án buộc: Bị cáo **Trần Phú Ba p** chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo; Người TGGT;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thiết Hùng